

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2021/DS-ST
Ngày 30 - 9 - 2021
*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và nợ hui.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Trang Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Ông Phạm Văn Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2021/TLST –DS ngày 15 tháng 3 năm 2021 về “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2021/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà A, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Bà B, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông C, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 01/02/2021, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 08/7/2021 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà A trình bày: Vào năm 2018 - 2019, bà B có vay tiền của bà A nhiều lần, bà B có trả tiền và nợ tiền. Đến ngày 23/5/2020, giữa bà B với bà A đã chốt lại số tiền gốc mà bà B còn nợ 50.700.000 đồng, hai bên có làm biên nhận và thỏa thuận bà B trả góp mỗi ngày 90.000 đồng, thời hạn trả góp 630 ngày, tổng số tiền bà B phải góp là 56.700.000 đồng, trong đó tiền gốc 50.700.000 đồng và tiền lãi 6.000.000 đồng. Nhưng sau đó bà B không góp tiền cho bà A theo thỏa thuận, còn nợ tiền gốc 50.700.000 đồng. Bà A yêu cầu bà B trả số tiền gốc 50.700.000 đồng và tiền lãi từ 23/5/2020 đến khi xét xử sơ thẩm, với lãi suất 20%/năm.

Đối với số tiền nợ vay 10.000.000 đồng, vào ngày 29/4/2019, bà B vay tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 50.000 đồng/ngày, thời hạn 03 ngày, hai bên có làm biên nhận là Giấy thế chấp tài sản. Do khi vay tiền bà A có giữ giấy tờ xe của bà B là Giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 94K1 -54724. Sau khi hết thời hạn 03 ngày, bà B không trả gốc, lãi cho bà A. Đến nay bà B còn nợ số tiền gốc 10.000.000 đồng nên bà A yêu cầu bà B trả 10.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 29/4/2019 đến khi xét xử, với lãi suất 1,66%/tháng.

Đối với số tiền nợ hội 66.000.000 đồng, ngày 15/7/2018 bà A mua 02 (hai) phần hội của bà Nguyễn Th do bà B làm chủ hội, đây hội mở ngày 15/02/2018 loại hội 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, hội gồm 33 thành viên. Số tiền mua hội 02 phần là 43.320.000 đồng, bà A đã giao tiền hội cho bà Th tại bà A và có mặt bà B. Do đây hội đã mãn từ ngày 05/11/2020 và bà A là người hốt hội cuối cùng nhưng bà B không giao tiền hội. Nay bà A yêu cầu bà B phải trả cho bà A số tiền nợ hội của hai phần hội là 66.000.000 đồng, số tiền lãi mà hội viên đã hốt hội là 5.000.000 đồng. Ngày 01/7/2021, bà A rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu tiền lãi 5.000.000 đồng, bà A yêu cầu trả tiền hội 66.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi từ ngày mãn hội đến khi xét xử, với lãi suất theo quy định của pháp luật là 0,83%/tháng.

Do các khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng bà B và ông Phạm Văn Đồng nên bà A yêu cầu ông C và bà B cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà A.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn bà B, trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 10 tháng 9 năm 2021: Bà B thống nhất với lời trình bày của bà A về thời gian vay, số tiền vay, tiền gốc còn nợ và tiền nợ hội. Tuy nhiên, số tiền vay gốc 50.700.000 đồng đã trả lãi được 6.000.000 đồng, còn số tiền vay gốc 10.000.000 đồng đã trả lại được 03 tháng. Thời điểm bà B trả tiền lãi không làm biên nhận cũng không ai chứng kiến. Bà B đồng ý trả nợ vay đối với số tiền 50.700.000 đồng và 10.000.000 đồng nhưng xin trả dần nợ gốc mỗi tháng 2.000.000 đồng và đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật. Bà B không C ý ông C cùng bà B trả nợ cho bà A, do số tiền nợ của bà A là nợ riêng của bà B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C trình bày: Từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử, ông C đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, Tòa án có đến nhà ông C nhưng không gặp nên không có lời khai của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A đối với bà B, buộc bà B và ông C cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà A số tiền vay 60.700.000 đồng, tiền hội 66.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà A về yêu cầu bà B trả số tiền lãi hội 5.000.000 đồng. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bà B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bà A khởi kiện bà B yêu cầu trả tiền nợ vay và nợ hui nên quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui theo quy định tại Điều 463 và Điều 471 Bộ luật Dân sự, khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tổ tụng dân sự. Bà B trú tại ấp G, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn bà B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn của Tòa án nhưng vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà B, ông C theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Bà A và bà B đều xác định bà B có vay tiền của bà A và bà A có tham gia hui do bà B làm chủ hui nên giữa bà A với bà B phát sinh giao dịch vay tiền và giao dịch hui.

[3.1] Xét giao dịch vay tiền giữa bà A với bà B;

[3.1.1] Bà B thừa nhận bà B còn nợ bà A tiền vay 50.700.000 đồng là tiền vay mà bà B với bà A đã chốt nợ vào ngày 23/5/2020 và tiền vay 10.000.000 đồng do bà B đã vay ngày 29/4/2019. Đây là tình tiết bà A không cần phải chứng minh. Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A về yêu cầu bà B trả tiền nợ gốc 50.700.000 đồng vào ngày 23/5/2020 và tiền nợ gốc 10.000.000 đồng vào ngày 29/4/2019.

[3.1.2] Về tiền lãi; bà B cho rằng đã trả tiền lãi 6.000.000 đồng đối với tiền nợ gốc 50.700.000 đồng và 03 tháng tiền lãi đối với tiền nợ gốc 10.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Thấy rằng, giao dịch vay giữa bà A với bà B là vay có lãi. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A về yêu cầu tính lãi đối với nợ gốc 50.700.000 đồng từ ngày 23/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm, với lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng) và tính lãi đối với nợ gốc 10.000.000 đồng từ ngày 29/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm, với lãi suất 1,66%/tháng.

[3.1.3] Tiền lãi của số tiền nợ gốc 50.700.000 đồng từ ngày 23/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2021) là $50.700.000 \text{ đồng} \times 1,67\%/\text{tháng} \times 16 \text{ tháng} 07 \text{ ngày} = 13.744.601 \text{ đồng}$.

[3.1.4] Tiền lãi của số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng từ ngày 29/4/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2021) là $10.000.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 29 \text{ tháng} 01 \text{ ngày} = 4.819.533 \text{ đồng}$.

[3.1.5] Vậy, tổng số tiền nợ vay gốc và lãi mà bà B phải trả cho bà A là tiền nợ gốc 60.700.000 đồng (50.700.000 đồng + 10.000.000 đồng) + tiền lãi 18.564.134 đồng (13.744.601 đồng + 4.819.533 đồng) = 79.264.134 đồng.

[3.2] Xét giao dịch hui giữa bà A với bà B;

[3.2.1] Bà A với bà B đều xác định bà A có mua 02 phần hui của bà Nguyễn Th do bà B làm chủ hui, tại đây hui mở ngày 15/02/2018 loại hui 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai 01 lần, hui gồm 33 thành viên. Bà B thừa nhận từ ngày 05/11/2020 mãn hui đến nay bà B không giao tiền của 02 phần hui cho bà A với số tiền 66.000.000 đồng (33.000.000 đồng/phần hui). Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà A về yêu cầu bà B trả tiền nợ hui 66.000.000 đồng.

[3.2.2] Về yêu cầu tiền lãi của số tiền nợ hui 66.000.000 đồng; Căn cứ quy định khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phường, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà A đối với số tiền nợ hui 66.000.000 đồng. Tiền lãi từ ngày mãn hui (ngày 05/11/2020) đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 30/9/2021) được tính như sau: 66.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 10 tháng 25 ngày = 5.934.500 đồng.

[3.2.3] Vậy, tiền hui gốc và lãi mà bà B phải trả cho bà A là 66.000.000 đồng + 5.934.500 đồng = 71.934.500 đồng.

[3.3] Xét thấy, số tiền nợ vay và nợ hui của bà B phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà B với ông Đồng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/9/2021, bà B cũng xác định tiền vay và tiền hui sử dụng vào mục đích chi tiêu sinh hoạt gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đồng không có ý kiến đối với số tiền nợ vay và tiền nợ hui. Từ đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tiền nợ hui 71.934.500 đồng và tiền nợ vay 79.264.134 đồng là nợ chung của ông Đồng và bà B, buộc ông Đồng và bà B cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà A với tổng số tiền là 151.198.634 đồng.

[4] Đối với yêu cầu rút một phần yêu cầu của bà A về yêu cầu bà B trả tiền lãi hui 5.000.000 đồng; xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà A và không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà A về yêu cầu bà B trả số tiền lãi hui 5.000.000 đồng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà B phải chịu án phí 5% đối với số tiền 151.198.634 đồng là 7.559.932 đồng và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi. Bà A không phải chịu án phí, bà A đã nộp tiền tạm ứng án phí 3.286.000 đồng và 359.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng số 0008587 ngày 15 tháng 3 năm 2021 và số 0000641 ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

[6] Từ đó, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 2 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 18, khoản 1 Điều 22 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ,

hội, biên, phường; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà A đối với bà B, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hui.

2. Buộc bà B và ông C cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà A số tiền nợ vay gốc, lãi là 79.264.134 đồng (Bảy mươi chín triệu hai trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm ba mươi bốn đồng), trong đó tiền gốc 60.700.000 đồng (Sáu mươi triệu bảy trăm nghìn đồng) và tiền lãi 18.564.134 đồng (Mười tám triệu năm trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm ba mươi bốn đồng).

3. Buộc bà B và ông C cùng có nghĩa vụ thanh toán cho bà A số tiền nợ hui gốc, lãi là 71.934.500 đồng (Bảy mươi một triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm đồng), trong đó tiền gốc 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng) và tiền lãi 5.934.500 đồng (Năm triệu chín trăm ba mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Chấp nhận yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà A đối với bà B, về yêu cầu trả tiền lãi hui 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà A đối với và B về yêu cầu trả tiền lãi hui 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

6. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà B phải chịu số tiền 7.559.932 đồng (Bảy triệu năm trăm năm mươi chín nghìn chín trăm ba mươi hai đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

Bà A không phải chịu án phí, bà A đã nộp tiền tạm ứng án phí 3.286.000 đồng (Ba triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng) và 359.000 đồng (Ba trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng số 0008587 ngày 15 tháng 3 năm 2021 và số 0000641 ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- THADS huyện Vĩnh Lợi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Trang Thảo